TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LAI VUNG
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30-01-2023
"Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phượng;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Phát Triển;

2. Ông Nguyễn Chí Công;

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Châu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 30 tháng 01 năm 2023 tại phòng xử án của trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 202/2022/TLST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2022, về việc "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị M, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Số nhà 364, ấp Hậu Th, xã Tân D, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp. Địa chỉ liên hệ: Số 426, ấp Nhơn Q, xã Vĩnh Th, huyện Lấp V, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Tuyến S, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số nhà 364, ấp Hậu Th, xã Tân D, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị M có đơn xin vắng mặt và anh S có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16/6/2022, nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

Về hôn nhân: Chị M và anh S quen nhau từ năm 2013 và được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân D, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 12/5/2015. Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 02 năm. Sau đó, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau và tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, không có tiếng nói chung trong cuộc sống vợ chồng. Do đó, vợ chồng quyết định không sống chung từ tháng

10/2021 cho đến nay. Chị M nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị M yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Tuyến S.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Gia Kh, sinh ngày 16/12/2021 và Nguyễn Huyền Tuyết Nh, sinh ngày 24/01/2017, hiện 02 con chung đang sống với chị M. Khi ly hôn, chị M yêu cầu được nuôi 02 con chung và yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi 02 con chung, mức cấp dưỡng nuôi mỗi con chung hàng tháng là 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

- Tại Tờ tường trình ngày 09/12/2022 và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Tuyến S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh S thống nhất với trình bày của chị M về thời gian kết hôn và thời gian chung sống cũng như mâu thuẫn vợ chồng. Vợ chồng không sống chung từ tháng 10/2021 cho đến nay. Anh S cũng nhiều lần năn nỉ hàn gắn tình cảm với chị M nhưng vẫn không được nên anh S đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị M.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Gia Kh, sinh ngày 16/12/2021 và Nguyễn Huyền Tuyết Nh, sinh ngày 24/01/2017. Anh S thống nhất giao 02 con chung Gia Kh và Tuyết Nh cho chị M tiếp tục nuôi con, vì anh S muốn các con có cuộc sống ổn định với mẹ và yêu cầu chị M phải tạo điều kiện cho anh S thăm mom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh S không đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị M, nếu chị M không đủ khả năng kinh tế để nuôi con thì giao 02 con lại cho anh S nuôi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị M yêu cầu được ly hôn và nuôi con với anh Nguyễn Tuyến S, do đó xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn, nuôi con" theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Bị đơn anh Nguyễn Tuyến S có địa chỉ cư trú tại huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với nguyên đơn là chị Nguyễn Thị M để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án nhưng chị Nguyễn Thị M có đơn xin vắng mặt phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử

xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị M theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu, chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Tuyến S được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Dương, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 12/5/2015 theo quy định, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M và anh S đã diễn ra từ lâu, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn theo trình bày của chị M là do bất đồng quan điểm sống và lối sống nên vợ chồng thường cãi nhau. Do đó, vợ chồng quyết định không sống chung từ tháng 10/2021 cho đến nay. Vì vậy chị M yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Tuyến S. Tại phiên tòa, anh S thống nhất với trình bày của chị M về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng cãi nhau, vợ chồng quyết định không sống chung từ tháng 10/2021 cho đến nay, anh S đã hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị M không đồng ý nên anh S đồng ý ly hôn với chị M.

Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa chị M và anh S đã trầm trọng, luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống và không thể hàn gắn tình cảm lại được và vợ chồng không sống chung từ tháng 10/2021 cho đến nay nên mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị M.

[2.3] Xét về con chung: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Tuyến S có 02 con chung tên Nguyễn Gia Kh, sinh ngày 16/12/2021 và Nguyễn Huyền Tuyết Nh, sinh ngày 24/01/2017, hiện 02 con chung đang sống với chị M. Khi ly hôn, chị M yêu cầu được nuôi 02 con chung và tại phiên tòa anh S cũng thống nhất giao 02 con chung cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Tuyết Nh còn nhỏ và cháu Gia Kh, sinh ngày 16/12/2021 chưa được 36 tháng tuổi nên phải giao cho mẹ là chị M nuôi dưỡng và các cháu đã có cuộc sống ổn định với chị M, được chăm sóc phát triển tốt về mọi mặt nên tiếp tục giao cháu Nguyễn Gia Kh và Nguyễn Huyền Tuyết Nh cho chị M nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật.

[2.4] Xét về cấp dưỡng nuôi con: Chị M yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi 02 con chung, mức cấp dưỡng nuôi mỗi con chung hàng tháng là 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa, anh S không đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị M, nếu chị M không đủ khả năng kinh tế để nuôi con thì giao 02 con lại cho anh S nuôi.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết. Do chị M được quyền trực tiếp nuôi 02 con chung nên anh S phải có nghĩa vụ cấp dưỡng

nuôi 02 con chung, mức cấp dưỡng nuôi mỗi con chung hàng tháng bằng ½ mức lương cơ sở do Nhà nước quy định, thời gian cấp dưỡng từ ngày tuyên án (ngày 30/01/2023) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 82, Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Tuyến S xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, bị đơn anh Nguyễn Tuyến S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ, phù hợp với khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Tuyến S.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Gia Kh, sinh ngày 16/12/2021 và Nguyễn Huyền Tuyết Nh, sinh ngày 24/01/2017 cho chị Nguyễn Thị M tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, hiện 02 con chung đang sống với chị M.

Chị Nguyễn Thị M cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Nguyễn Tuyến S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Tuyến S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Gia Kh, sinh ngày 16/12/2021 và Nguyễn Huyền Tuyết Nh, sinh ngày 24/01/2017. Mức cấp dưỡng nuôi mỗi con chung hàng tháng bằng ½ mức lương cơ sở do Nhà nước quy định, thời gian cấp dưỡng từ ngày tuyên án (ngày 30/01/2023) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Tuyến S xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí và tạm ứng án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu

tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010647 ngày 20/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. (chị M đã nộp xong án phí).

Anh Nguyễn Tuyến S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) (chưa nộp).

6. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 30/01/2023). Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày, tính từ ngày bản án này được giao cho họ hoặc được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- Chi cục THADS huyện Lai Vung;
- UBND xã Tân Dương (số 039/2015);
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phượng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Nguyễn Chí Công **Nguyễn Phát Triển**

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Phượng